BỘ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 18/2016/TT-BXD	----------
	Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

---

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Thông tư này quy định chi tiết về thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 59/2015/NĐ-CP).

b) Việc thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, đề xuất chủ trương đầu tư và quyết định chủ trương đầu tư được thực hiện theo pháp luật về đầu tư và pháp luật về đầu tư công.

2. Đối tượng áp dụng: cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; người quyết định đầu tư, chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người đề nghị thẩm định là chủ đầu tư hoặc người được chủ đầu tư ủy quyền bằng văn bản hoặc cơ quan, tổ chức được người quyết định đầu tư giao trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.

2. Cơ quan thẩm định là cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư được quy định tại Điều 10, Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình

1. Trình, thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình đúng thẩm quyền, bảo đảm quy trình và thời hạn thẩm định theo quy định.

2. Thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng được thực hiện với toàn bộ công trình hoặc từng công trình của dự án hoặc theo giai đoạn, gói thầu của dự án nhưng phải bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ về nội dung, cơ sở tính toán trong các kết quả thẩm định.

3. Công khai, minh bạch về trình tự, thủ tục, hồ sơ, kết quả thẩm định và tuân thủ các quy định về cải cách thủ tục hành chính trong quá trình thẩm định.

4. Phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đúng thẩm quyền hoặc theo ủy quyền sau khi có Thông báo kết quả thẩm định và hồ sơ trình phê duyệt đã được bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm định.

5. Đối với dự án có số bước thiết kế nhiều hơn so với quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ thẩm định hồ sơ thiết kế tại bước thiết kế theo quy định của pháp luật, các bước thiết kế còn lại do người quyết định đầu tư quyết định việc tổ chức thẩm định, phê duyệt. Trường hợp tên gọi và nội dung của các bước thiết kế của dự án thực hiện theo thông lệ quốc tế khác với bước thiết kế theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ thẩm định hồ sơ thiết kế có nội dung tương ứng với bước thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công.

Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của người quyết định đầu tư:

a) Yêu cầu chủ đầu tư thực hiện đúng quy trình thẩm định phù hợp với quy mô, nguồn vốn sử dụng của dự án, loại và cấp công trình xây dựng. Đối với dự án sử dụng vốn hỗn hợp, người quyết định đầu tư xác định loại nguồn vốn sử dụng để làm cơ sở thực hiện trình, thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

b) Phân công, kiểm tra việc thực hiện công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn trực thuộc;

c) Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Trình thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định của Thông tư này; tổ chức thẩm định làm cơ sở xem xét, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với trường hợp thiết kế ba bước;

b) Kiểm tra, soát xét và chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và pháp luật về tính pháp lý, nội dung của hồ sơ trình thẩm định; giải trình, hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định theo yêu cầu của cơ quan thẩm định;

c) Lựa chọn trực tiếp tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác thẩm tra phục vụ thẩm định và chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung công tác thẩm tra của tư vấn đáp ứng yêu cầu thẩm tra;

d) Lưu trữ hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thẩm định:

a) Tổ chức thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ quy định về quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 71 và Điều 87 của Luật Xây dựng;

c) Báo cáo, giải trình về công tác thẩm định theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cần thiết;

d) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu cần thiết có liên quan đến công tác thẩm định theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 của Thông tư này.

4. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn xây dựng:

a) Tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của tư vấn xây dựng được quy định tại Điều 70 và Điều 86 của Luật Xây dựng khi lập, thẩm tra dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

b) Cung cấp đầy đủ hồ sơ và giải trình, chỉnh sửa nội dung hồ sơ trình thẩm định theo yêu cầu của chủ đầu tư và cơ quan thẩm định.

Chương II THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 5. Trình tự thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

Trình tự thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 11 và Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ trước khi trình thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

2. Trình thẩm định dự án:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định thiết kế cơ sở (hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) và đến cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư để thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế công nghệ (nếu có);

c) Đối với dự án sử dụng vốn khác: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định thiết kế cơ sở (hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) đối với dự án đầu tư xây dựng có công trình cấp đặc biệt, cấp I, công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế công nghệ (nếu có);

d) Đối với các dự án còn lại không thuộc đối tượng thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định toàn bộ các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3. Trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình:

a) Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định;

b) Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định. Riêng đối với phần thiết kế công nghệ, thiết kế của công trình cấp IV, công trình xây dựng lưới điện trung áp, hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư để thẩm định;

c) Đối với công trình của dự án sử dụng vốn khác thuộc đối tượng do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định 59/2015/NĐ-CP: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định thiết kế xây dựng và đến cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư để thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và dự toán xây dựng;

d) Đối với công trình không thuộc đối tượng thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định toàn bộ các nội dung của thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình.

4. Cơ quan thẩm định tổ chức thực hiện thẩm định theo trình tự, nội dung quy định từ Điều 5 đến Điều 9 của Thông tư này.

Điều 6. Hồ sơ trình thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Người đề nghị thẩm định trình một (01) bộ hồ sơ (hồ sơ gốc) đến cơ quan thẩm định theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này để tổ chức thẩm định. Trường hợp cần lấy

ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến.

2. Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại Khoản 3, 4, 5 của Điều này, đúng quy cách, được trình bày bằng tiếng Việt hoặc song ngữ (ngôn ngữ chính là tiếng Việt) và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, đóng dấu xác nhận.

3. Hồ sơ trình thẩm định dự án, thiết kế cơ sở gồm: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

4. Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

5. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình gồm: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

Điều 7. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ trình thẩm định

1. Cơ quan thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ trình thẩm định được trả lại cho người đề nghị thẩm định khi bị từ chối tiếp nhận trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, cơ quan thẩm định có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định) hoặc trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều này. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

3. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp phí thẩm định cho cơ quan thẩm định. Mức phí thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Cơ quan thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

a) Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan thẩm định;

b) Dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình không thuộc đối tượng phải thẩm định theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này;

d) Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b và c của Khoản này, cơ quan thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

Điều 8. Thực hiện thẩm định

1. Việc thẩm định được thực hiện khi cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này và kết thúc khi có văn bản Thông báo kết quả thẩm định. Thời hạn thẩm định theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 và Khoản 8 Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

2. Nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 58, Điều 83 của Luật Xây dựng và Điều 6, Điều 10 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời hạn tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 và Khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có quyền:

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp các thông tin tài liệu, số liệu cần thiết để phục vụ công tác thẩm định;

b) Mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp tham gia thực hiện thẩm định;

c) Yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định hoặc xem xét sử dụng kết quả thẩm tra của chủ đầu tư (trường hợp chủ đầu tư đã thực hiện thẩm tra theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Thông tư này);

d) Yêu cầu chủ đầu tư giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến thẩm định khi cần thiết;

đ) Tạm dừng thẩm định và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về phương pháp tính toán, tải trọng, mô tả bản vẽ, sơ đồ... trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn hai mươi (20) ngày thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

Điều 9. Kết quả thẩm định và thông báo kết quả thẩm định

1. Kết quả thẩm định phải có đánh giá, kết luận về mức đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung thẩm định và toàn bộ nội dung trình thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định 59/2015/NĐ-CP; các kiến nghị đối với người quyết định đầu tư, chủ đầu tư. Nội dung xem xét, đánh giá của cơ quan thẩm định được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Đối với thẩm định dự án, thiết kế cơ sở: Đánh giá về sự phù hợp, mức độ đáp ứng đối với chủ trương đầu tư, yêu cầu, nội dung lập dự án, lập thiết kế cơ sở, các tiêu chí phản ánh sự cần thiết phải đầu tư xây dựng, tính khả thi và mức độ hiệu quả của dự án;

b) Đối với thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Đánh giá về sự phù hợp, mức độ đáp ứng đối với các yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung của thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

c) Xem xét, cập nhật kết quả thẩm tra phục vụ thẩm định, ý kiến thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và các ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có).

2. Cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo kết quả thẩm định đến người đề nghị thẩm định theo hình thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ trình thẩm định sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện được cơ quan thẩm định kiểm tra, đóng dấu thẩm định trên một (01) bộ hồ sơ dự án, bản vẽ thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. Mẫu dấu thẩm định theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp bản chụp (photocopy hoặc file PDF) tài liệu báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, thiết kế và dự toán xây dựng công trình đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan thẩm định.

4. Khi kết thúc công tác thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm:

a) Lưu trữ, bảo quản một số tài liệu gồm: Tờ trình thẩm định; các kết luận của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định; văn bản góp ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; Thông báo kết quả thẩm định; các bản chụp tài liệu đã đóng dấu thẩm định theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Chuyển trả cho người đề nghị thẩm định các tài liệu trình thẩm định trừ các tài liệu lưu trữ quy định tại Điểm a Khoản này.

Điều 10. Thẩm tra phục vụ công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

Thẩm tra phục vụ công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 11 và Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Căn cứ yêu cầu thẩm tra của cơ quan thẩm định, chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn trực tiếp tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thực hiện thẩm tra phục vụ công tác thẩm định.

2. Trường hợp Chủ đầu tư thực hiện việc thẩm tra trước khi trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng xem xét việc sử dụng kết quả thẩm tra để phục vụ công tác thẩm định.

3. Tổ chức tư vấn được lựa chọn thực hiện thẩm tra phục vụ công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật;

b) Đã được đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng theo quy định tại Điều 69 của Nghị định số 59/2015/NĐ-

CP. Trường hợp tổ chức tư vấn thẩm tra chưa đăng ký thông tin năng lực hoạt động xây dựng thì phải được cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng chấp thuận bằng văn bản;

c) Độc lập về pháp lý, tài chính với chủ đầu tư và với các nhà thầu tư vấn lập dự án, thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

4. Quy trình lựa chọn trực tiếp tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định cụ thể như sau:

a) Cơ quan thẩm định có đề xuất về yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra phục vụ công tác thẩm định gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- Các nội dung quy định tại các Điểm c, d, đ Khoản 2 và Khoản 3 Điều 58 của Luật Xây dựng đối với thẩm định dự án, thiết kế cơ sở;

- Các nội dung quy định tại các Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng đối với thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- Các nội dung quy định tại Khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 83 của Luật Xây dựng đối với thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.

b) Căn cứ yêu cầu thẩm tra của cơ quan thẩm định, chủ đầu tư gửi đề nghị thẩm tra kèm theo yêu cầu, nội dung thẩm tra và dự thảo hợp đồng (gồm các nội dung như: phạm vi công việc, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị hợp đồng, trách nhiệm giải trình...) đến tổ chức tư vấn được dự kiến lựa chọn thực hiện thẩm tra;

c) Trên cơ sở đề nghị thẩm tra của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn gửi đề xuất thực hiện công tác thẩm tra để chủ đầu tư xem xét, đàm phán, ký kết hợp đồng.

5. Thời gian thực hiện thẩm tra dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 và Khoản 4 Điều 30 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

6. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá đối với Báo cáo kết quả thẩm tra do tư vấn thực hiện trước khi gửi đến cơ quan thẩm định. Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra phục vụ thẩm định thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 11. Phân cấp, ủy quyền thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có thể đề xuất với người có thẩm quyền để quyết định phân cấp cho Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình từ cấp II trở xuống sử dụng vốn nhà nước do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, UBND cấp tỉnh quyết định việc thực hiện phân cấp hoặc ủy quyền thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng đối với các dự án, công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của các Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành cho phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

3. Việc phân cấp theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này và các trường hợp ủy quyền, phân cấp thẩm định khác (nếu có) phải bảo đảm các nguyên tắc, điều kiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 34 của Luật Tổ chức Chính phủ và Điều 13, Điều 14 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 12. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Trình tự thẩm định dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này. Riêng thẩm quyền thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP chủ trì thẩm định:

a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đầu tư, trừ những dự án được phân cấp cho Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Thông tư này;

b) Thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ), dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư, trừ những dự án được phân cấp cho Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Thông tư này;

c) Thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) công trình cấp đặc biệt, cấp I sử dụng vốn khác.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định:

a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh do cấp tỉnh quyết định đầu tư, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có công trình từ cấp II trở xuống do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đầu tư theo quy định về phân cấp tại Khoản 1 Điều 11 của Thông tư này, trừ các dự án quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ), dự toán xây dựng công trình cấp II, cấp III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh do cấp tỉnh quyết định đầu tư, do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan

thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư theo quy định về phân cấp tại Khoản 1 Điều 11 của Thông tư này, trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng sử dụng vốn khác được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ công trình quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện, các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách theo quy định về phân cấp tại Khoản 2 Điều 11 của Thông tư này.

Điều 13. Các quy định khác về thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Đối với dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo tuyến đi qua hai tỉnh trở lên thuộc đối tượng do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thì cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định.

2. Đối với dự án gồm nhiều công trình có loại, cấp công trình khác nhau, cơ quan chủ trì thẩm định là cơ quan có trách nhiệm thẩm định công trình chính hoặc công trình có cấp cao nhất của dự án.

3. Đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng đối tác công tư (PPP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư là đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định dự án. Việc thẩm định thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình được thực hiện như đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

4. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của dự án có nội dung chủ yếu là mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có tỷ trọng chi phí phần xây dựng nhỏ hơn 15% tổng mức đầu tư dự án; chủ trì thẩm định đối với báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư.

5. Dự án sử dụng vốn hỗn hợp có phần tham gia bằng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư thì dự án được thẩm định như đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách.

Chương III PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 14. Phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng

Việc phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án trực thuộc người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt. Các trường hợp còn lại, người quyết định đầu tư xem xét, giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt.

2. Người quyết định đầu tư phê duyệt dự án gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan. Việc phê duyệt dự án phải bao gồm các nội dung cụ thể về nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án, số bước thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng và thời gian thi công xây dựng công trình.

3. Mẫu quyết định đầu tư xây dựng quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 15. Phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình với các nội dung quy định tại Điều 28 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Người quyết định đầu tư được phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 72 của Luật Xây dựng.

2. Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3. Mẫu tờ trình phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 16. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 61 của Luật Xây dựng. Người quyết định đầu tư quyết định đối với các nội dung điều chỉnh liên quan đến mục tiêu, quy mô đầu tư, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn sử dụng.

2. Dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh thuộc thẩm quyền phê duyệt của người quyết định đầu tư phải được tổ chức thẩm định theo trình tự quy định tại Khoản 3 của Điều này.

3. Trình tự thẩm định dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Chủ đầu tư có văn bản đề nghị người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án, trong đó cần làm rõ lý do, nội dung, phạm vi điều chỉnh và đề xuất giải pháp thực hiện;

b) Căn cứ văn bản chấp thuận của người quyết định đầu tư về chủ trương điều chỉnh dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh, trình cơ quan chủ trì thẩm định theo phân cấp để thẩm định;

c) Việc tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án điều chỉnh quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Thông tư này.

4. Việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh của người quyết định đầu tư gồm các nội dung được điều chỉnh hoặc toàn bộ nội dung của dự án sau khi điều chỉnh.

5. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh là cơ quan đã chủ trì thẩm định đối với dự án, thiết kế cơ sở được duyệt.

Điều 17. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Các trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Xây dựng và Điều 11 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Người quyết định đầu tư quyết định việc điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình khi việc điều chỉnh này dẫn đến phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng. Các trường hợp điều chỉnh khác do chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng do mình quyết định thực hiện.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh trong các trường hợp:

a) Điều chỉnh thiết kế xây dựng do có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực (trừ trường hợp làm tăng tính an toàn cho công trình) và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình;

b) Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình do việc điều chỉnh dẫn đến làm vượt tổng mức đầu tư hoặc vượt dự toán xây dựng công trình đã được người quyết định đầu tư phê duyệt.

4. Đối với thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của chủ đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này và không thuộc trường hợp phải thẩm định theo quy định tại Khoản 3 Điều này, trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định làm cơ sở để xem xét, phê duyệt.

5. Việc phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư gồm những nội dung được điều chỉnh hoặc toàn bộ nội dung của thiết kế, dự toán xây dựng công trình sau khi điều chỉnh. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh do mình quyết định điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

Trong công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

1. Chủ trì, hướng dẫn thực hiện công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình của các Bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp.

2. Phân công, phân cấp cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành trong việc tổ chức thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

3. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng các cấp. Quyết định thu hồi, hủy kết quả thẩm định hoặc yêu cầu tổ chức thẩm định lại khi phát hiện có sai sót trong công tác thẩm định ảnh hưởng đến tính pháp lý, chất lượng, an toàn, chi phí và tiến độ xây dựng công trình; tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kết quả thẩm định.

4. Chủ trì phối hợp với các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành xử lý các vướng mắc, tồn tại trong công tác thẩm định của các Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp, chủ đầu tư.

5. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thẩm định cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. Ban hành và hướng dẫn áp dụng các tiêu chí đánh giá trong công tác thẩm định; định mức chi phí tư vấn thẩm tra dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Điều 19. Trách nhiệm của các Bộ ngành có liên quan

Trong công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, các Bộ ngành có trách nhiệm:

1. Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành do mình quản lý; phân công, phân cấp cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành trong việc tổ chức thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; quyết định thu hồi, hủy kết quả thẩm định hoặc yêu cầu tổ chức thẩm định lại khi phát hiện có sai sót trong công tác thẩm định ảnh hưởng đến tính pháp lý, chất lượng, an toàn, chi phí và tiến độ xây dựng công trình.

b) Phối hợp với các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác, UBND cấp tỉnh trong việc tổ chức thẩm định đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư xây dựng công trình theo tuyến đi qua nhiều địa bàn;

c) Tổng hợp, báo cáo định kỳ theo Quý về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc chuyên ngành và gửi về Bộ Xây dựng để tổng hợp, theo dõi trong 15 ngày đầu tiên của Quý tiếp theo. Mẫu báo cáo về công tác thẩm định được quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

2. Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội:

a) Thực hiện các quyền, trách nhiệm của người quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật đối với các dự án do mình quyết định đầu tư;

b) Phân công cơ quan chuyên môn trực thuộc để tham gia, phối hợp thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Kiểm tra công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn trực thuộc, phối hợp xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thẩm định.

Điều 20. Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, cấp huyện

Trong công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, UBND cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm:

1. Quyết định việc phân công, phân cấp, ủy quyền thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng và điều kiện cụ thể của địa phương.

2. Chỉ đạo và kiểm tra công tác thẩm định của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện, quyết định thu hồi, hủy kết quả thẩm định hoặc yêu cầu tổ chức thẩm định lại khi phát hiện có sai sót trong công tác thẩm định ảnh hưởng đến tính pháp lý, chất lượng, an toàn, chi phí và tiến độ xây dựng công trình.

3. Xử lý, giải quyết kịp thời các vướng mắc về quy trình, thủ tục và phối hợp thực hiện công tác thẩm định trên địa bàn quản lý.

4. Tổng hợp, báo cáo định kỳ theo Quý về công tác thẩm định dự án, thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc chuyên ngành và gửi về Bộ Xây dựng để tổng hợp, theo dõi trong 15 ngày đầu tiên của Quý tiếp theo. Mẫu báo cáo về công tác thẩm định được quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

1. Đối với việc thẩm định dự án và thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình:

a) Dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước ngày Thông tư này có hiệu lực không phải trình thẩm định lại và được thực hiện thẩm định theo quy định hiện hành trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư;

b) Việc điều chỉnh dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình sau ngày Thông tư này có hiệu lực được thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Hiệu lực thi hành:

a) Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

b) Những quy định về thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế, dự toán xây dựng công trình được quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình và Thông tư số 09/2014/TT-BXD ngày 10/7/2014 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân góp ý kiến gửi về Bộ Xây dựng để xem xét, tiếp thu chỉnh sửa cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục HĐXD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đã ký
Lê Quang Hùng

PHỤ LỤC I MẪU CÁC VĂN BẢN TRONG QUY TRÌNH THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN, THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01	Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư.
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả thẩm tra dự án.
Mẫu số 03	Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình.
Mẫu số 04	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.
Mẫu số 05	Quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng công trình.
Mẫu số 06	Mẫu dấu thẩm định, thẩm tra thiết kế

PHỤ LỤC II MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ NỘI DUNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH THUỘC BỘ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH VÀ SỞ XÂY DỰNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01	Báo cáo tổng hợp định kỳ về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng của cơ quan thẩm định thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.
Mẫu số 02	Báo cáo tổng hợp định kỳ về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng của Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.